

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13-8-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Phước.

Ông Đỗ Ngọc Cận.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng là thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S tham gia phiên Tòa: Bà Phạm Thúy Trang – Kiểm Sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2020/TLST-HNGĐ ngày 24/4/2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Huyền D; Địa chỉ: Số 60/2C, đường N, khóm B, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Phước T; Địa chỉ: Số 60/2C, đường N, khóm B, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/4/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Đinh Huyền D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Huyền D và ông Nguyễn Phước T tự nguyện sống chung, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 27/02/2004. Hôn nhân của bà D và ông T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Trong thời gian đầu bà D,

ông T chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2020 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, khi sống chung ông T có vài lần đánh bà D. Từ đó dẫn đến bà D và ông T thường xuyên cãi vã. Mặc dù, khi xảy ra mâu thuẫn thì được gia đình bà D và ông T nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đều không được. Đến tháng 03 năm 2020 bà D và ông T đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng. Bà D và ông T đã sống ly thân từ thời gian đó đến nay.

Nay bà D nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà D và ông T không hàn gắn được nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Phước T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà D và ông T có hai người con chung tên Nguyễn Phương T, sinh ngày 27/5/2005 và Nguyễn Phước Th, sinh ngày 27/5/2008, hiện nay cháu T, cháu Th đang sống chung với ông Nguyễn Phước T. Sau khi ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương T và Nguyễn Phước Th và cho đến khi cháu T, cháu Th đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đinh Huyền D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ tường trình lập ngày 21/5/2020 cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 27/5/2005 và Nguyễn Phước Th, sinh ngày 27/5/2008 trình bày: Sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được sống với mẹ là Bà Đinh Huyền D vì mẹ thường chăm sóc, đưa đón cháu đi học.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật:

Bà Đinh Huyền D khởi kiện ông Nguyễn Phước T về tranh chấp ly hôn, nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T có nơi cư trú tại số 60/2C, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, khóm 4, phường 7, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn Nguyễn Phước T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Huyền D và ông Nguyễn Phước T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo bà D trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, khi sống chung ông T có vài lần đánh bà D. Mặc dù, Tòa án ra thông báo về phiên hòa giải cho vợ chồng trở về đoàn tụ hai lần nhưng ông T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên Tòa hôm nay bà D vẫn cương quyết xin ly hôn với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa bà D, ông T đã đến mức trầm trọng, ông bà đã sống ly thân tháng 03 năm 2020 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Phước T.

[3] Về con chung: Bà D trình bày trong thời gian chung sống bà D và ông T có hai người con chung tên Nguyễn Phương T, sinh ngày 27/5/2005 và Nguyễn Phước Th, sinh ngày 27/5/2008, hiện nay cháu T, cháu Th đang sống với ông T tại số 60/2C, đường N, khóm B, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Hội đồng xét xử thấy rằng sau khi bà D và ông T sống ly thân thì cháu T, cháu Th sống với ông T nhưng bà D vẫn thường xuyên đến thăm và đưa đón cháu T, cháu Th đi học nên Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay các cháu còn nhỏ để đảm bảo phát triển tâm sinh lý các cháu phát triển bình thường nên cần giao cháu T, cháu Th cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời tại tờ tường trình lập ngày 21 tháng 5 năm 2020 cháu T, cháu Th đều trình bày sau khi cha mẹ ly hôn cháu T, cháu Th có nguyện vọng được

sống với mẹ là Bà Đinh Huyền D.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng nhằm ổn định cuộc sống của cháu T, cháu Th nên việc giao cháu T, cháu Th cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nên căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Phương T và Nguyễn Phước Th cho Bà Đinh Huyền D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T, cháu Th đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Phước T không cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Phương T và Nguyễn Phước Th .

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đinh Huyền D trình bày không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Đinh Huyền D phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Huyền D được ly hôn ông Nguyễn Phước T.

2/. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 27/5/2005 và Nguyễn Phước Th, sinh ngày 27/5/2008 cho Bà Đinh Huyền D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T, cháu Th đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Phước T không cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 27/5/2005 và Nguyễn Phước Th, sinh ngày

27/5/2008.

Ông Nguyễn Phước T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 27/5/2005 và Nguyễn Phước Th, sinh ngày 27/5/2008 mà không ai được cản trở.

3/. Về tài sản chung: Bà Đinh Huyền D trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/. Về nợ chung: Bà Đinh Huyền D trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/. Về án phí: Bà Đinh Huyền D phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Quyên đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001804 ngày 21/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP. S;
- THADS TP. S;
- UBND phường B, TPS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Định